

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 56/2017/HNGĐ-ST

Ngày 16/10/2017

V/v : *Tranh chấp ly hôn*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Liên Sơn

Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Minh

2/ Bà Nguyễn Anh Thư

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Quốc Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 464/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017, về việc *Tranh chấp ly hôn*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/QĐXX ngày 12 tháng 9 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2017/QĐHPT-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Thanh L** – Sinh năm 1974 (Vắng mặt);

HKTT: Số 44a ngõ 101 phố TN, phường QL, quận HBT, Hà Nội;

Chỗ ở: Thôn TĐ, xã TĐ, huyện PM, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn: Chị **Lê Thị Th** – Sinh năm 1976 (Vắng mặt);

HKTT: Số 44a ngõ 101 phố TN, phường QL, quận HBT, Hà Nội;

Chỗ ở: Số 7 ngõ 254/71/1 phố MK, phường MĐ, quận HM, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa, nguyên đơn anh Trần Thanh L trình bày:

Anh và chị Lê Thị Th kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 01/04/2005 tại UBND phường QL, quận HBT, Hà Nội. Trước đó anh và chị Th đều đã có vợ, có chồng nhưng đã ly hôn theo đúng quy định pháp luật rồi mới kết hôn với nhau. Thời gian đầu chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng tính cách hai người không hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Đến năm 2013, bố anh mất nên anh đã về quê lo liệu hậu sự của bố. Bản thân anh nhận thấy cuộc sống vợ chồng thực sự không có hạnh phúc nên anh đã không quay trở lại Hà Nội mà ở lại quê nhà tại Quảng Nam từ năm 2013 đến nay, vợ chồng cũng đã ly thân từ năm 2013 đến nay, mỗi người một cuộc sống riêng. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn được nên anh kiên quyết xin được ly hôn với chị Th.

Về con chung: Anh và chị Th có 01 con chung là Trần Thanh T- Sinh ngày 4/11/2003. Sau khi ly hôn anh xin nuôi con. Tuy nhiên cháu T cũng đã có ý kiến xin ở với mẹ cháu nên anh đồng ý và không có ý kiến gì khác.

Về đóng góp nuôi con: Mặc dù hoàn cảnh của anh ở quê rất khó khăn, không có công việc, không có thu nhập ổn định, thu nhập chủ yếu từ đồng ruộng, chăn nuôi, còn mẹ già đã ngoài 70 tuổi, nhưng anh cũng tự nguyện đóng góp nuôi con chung 1.000.000 đồng mỗi tháng.

Về tài sản chung là động sản và bất động sản, cũng như về khoản nợ chung anh và chị Thủy không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và các văn bản tố tụng khác, bị đơn chị Lê Thị Th trình bày:

Chị và anh Trần Thanh L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/4/2005, tại UBND phường QL, quận HBT, Hà Nội. Trước khi kết hôn cả anh L và chị đều đã từng một lần kết hôn nhưng đều đã ly hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường tại Hà Nội cho đến năm 2013 thì bố chồng chị mất, anh L về quê sau đó ở lại quê, không về Hà Nội nữa. Từ đó mỗi người một nơi, mỗi năm chị và

con đều về ăn giỗ bố chồng chị một lần, còn anh L thì ít khi ra Hà Nội, thỉnh thoảng ra thăm con. Từ khi sống riêng đến nay mỗi người một nơi, kinh tế độc lập, không ai phụ thuộc vào ai. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ ngày 19/12/2005, nguyên nhân là do quan điểm sống của hai người khác nhau. Tuy nhiên hiện nay anh L nộp đơn xin ly hôn chị vẫn mong muốn được đoàn tụ gia đình vì vẫn còn tình cảm với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Thanh T- Sinh ngày 04/11/2003. Chị không đồng ý ly hôn, nếu phải ly hôn chị có nguyện vọng xin nuôi con, còn anh L phải có trách nhiệm đóng góp nuôi con.

Về tài sản chung, nhà đất ở chung và công nợ chung: Chị Th xác nhận chị và anh L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn anh Trần Thanh L có đơn xin vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và giữ nguyên toàn bộ yêu cầu của anh.

Bị đơn chị Lê Thị Th vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ hai.

Do các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố tài liệu về lời khai của các đương sự, tài liệu điều tra xác minh về nội dung vụ án.

- *Đại diện VKSND quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa*, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và việc tuân theo pháp luật của các đương sự; Đồng thời đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

+ Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện việc giao thông báo của Tòa án cho các đương sự, tiến hành các bước tố tụng đúng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn giải quyết vụ án đúng quy định.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng.

+ Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chưa chấp hành các thông báo của Tòa án, dẫn đến vụ án bị kéo dài.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử cả cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thanh L. Cho anh Trần Thanh L ly hôn với chị Lê Thị Th.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thanh T- Sinh ngày 04/11/2003 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng mỗi tháng nuôi con chung của anh L.

Về tài sản chung, nhà đất ở chung và nợ chung: Anh L, chị Th cùng xác nhận không có nên không xem xét.

Về án phí: Anh Trần Thanh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa. Sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Ngày 01/11/2016, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình số 699 về việc anh Trần Thanh L xin ly hôn với chị Lê Thị Th. Tại thời điểm Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý vụ án, nguyên đơn là anh Trần Thanh L cung cấp tài liệu, chứng cứ và địa chỉ của bị đơn chị Lê Thị Th tại số 44a ngõ 101 phố TN, phường QL, quận HBT, Hà Nội. Tuy nhiên trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Lê Thị Th khai địa chỉ tại 44a ngõ 101 phố TN, phường QL, quận HBT, Hà Nội là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, còn hiện tại chị và con đang thuê nhà và ở tại địa chỉ số 7 ngõ 254/71/1 phố MK, tổ 3, phường MĐ, quận HM, Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã điều tra, xác minh bị đơn chị Lê Thị Thủy đã thuê nhà và sống ổn định tại địa chỉ số 7 ngõ 254/71/1 phố MK, tổ 3, phường MĐ, quận HM, Hà Nội từ năm 2015 đến nay. Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố

tụng dân sự, chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Trần Thanh L có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Lê Thị Th vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ hai lần. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: tiến hành xét xử vụ án.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thanh L: Tài liệu trong hồ sơ thể hiện anh Trần Thanh L và chị Lê Thị Th kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 01/4/2005 tại UBND tại UBND phường QL, quận HBT, Hà Nội (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyền số 17 ngày 01/4/2005). Trước khi kết hôn anh L, chị Th đều đã có vợ, có chồng, nhưng đã ly hôn theo đúng quy định pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày tại Tòa án của anh L, chị Th và biên bản xác minh của Tòa án tại địa phương thể hiện: Mặc dù chị Th không đồng ý ly hôn nhưng thực tế, chị Th, anh L đều không có phương án để đoàn tụ vợ chồng. Từ năm 2013 đến nay, anh L đã chuyển về ở hẳn tại thôn TĐ, xã TĐ, huyện PN, tỉnh Quảng Nam, còn chị Th sinh sống tại số 7 ngõ 254/71/1 phố MK, tổ 3, phường MĐ, quận HM, Hà Nội. Mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai.

Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L, chị Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân để vợ chồng yêu thương, giúp đỡ, tôn trọng nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Thanh L. Cho anh Trần Thanh L ly hôn chị Lê Thị Th.

Về con chung: Anh L, chị Th có 01 con chung là Trần Thanh T- Sinh ngày 4/11/2003. Khi ly hôn, chị Th và anh L đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Đây là nguyện vọng chính đáng của người làm cha, làm mẹ. Tuy nhiên giao con chung cho ai nuôi phải đảm bảo được sự ổn định về mặt tinh thần và vật chất cho con chung.

Xét thấy cháu Trần Thanh T, từ khi bố, mẹ sống ly thân vẫn do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu T sinh sống, học tập tại Hà Nội, cháu T có nguyện vọng được ở với

mẹ. Nguyên vọng của cháu T là chính đáng, đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của cháu. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là Trần Thanh T– Sinh ngày 04/11/2003 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét anh L hiện nay không có công việc, không có thu nhập ổn định, chị Th cũng không có yêu cầu cụ thể về mức cấp dưỡng nuôi con. Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Vì vậy cần ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng của anh Trần Thanh L. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2017, cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Trần Thanh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung là động sản, bất động sản và khoản nợ chung: Anh L, chị Th xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm 1.1 khoản 1 Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án: Anh Trần Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh L đã nộp đủ 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hoàng Mai.

Anh Trần Thanh L còn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Thanh L, chị Lê Thị Th có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 56; Khoản 2 Điều 81; Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 1, Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm 1.1 khoản 1 Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thanh L. Cho anh Trần Thanh L ly hôn chị Lê Thị Th.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Thanh T- Sinh ngày 04/11/2003 cho chị Lê Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi có sự thay đổi khác.

Không ai được ngăn cản quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của anh Trần Thanh L.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Thanh L, cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2017, cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung là động sản và bất động sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Anh Trần Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh L đã nộp đủ 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0112 ngày 25/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Anh Trần Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Thanh L, chị Lê Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Hoàng Mai;
- Đường sự;
- UBND P. Việt Hưng, Q. Long Biên, Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Liên Sơn

